

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24/05/2001 của Thủ tướng Chính phủ về duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58-CT/TW;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/01/2005 về việc “Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến 2010”;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2006/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa X - kỳ họp thứ 8, về “Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 - 2010”;

Căn cứ Quyết định số 28/2006/QĐ-UBND, ngày 18/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc “Phê duyệt Kế hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010”;

Căn cứ Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành bản quy định về một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 64/Tr-STTTT ngày 13/11/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 177/BCTĐ-SKHĐT ngày 15/12/2008 về việc thẩm định dự án Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông giai đoạn 2008 - 2015 và định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020” với nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông tỉnh Quảng Ngãi giai

đoạn 2009 – 2015 và định hướng đến năm 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Nội dung quy hoạch

1. Quan điểm phát triển:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng Bưu chính, Viễn thông có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp trong toàn tỉnh với dung lượng lớn, chất lượng cao, cung cấp các dịch vụ Bưu chính, Viễn thông và Internet với chất lượng tốt, giá cước hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ.

- Tạo lập thị trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường dịch vụ Bưu chính, Viễn thông và Internet; phổ cập dịch vụ Bưu chính, Viễn thông cơ bản và Internet, đồng thời ưu tiên phát triển nhanh các dịch vụ mới, dịch vụ giá trị gia tăng đến các xã.

- Phát triển mạng Bưu chính, Viễn thông đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh, các vùng miền, trong đó có các khu, cụm công nghiệp; đồng thời đẩy nhanh việc phổ cập viễn thông và Internet trên phạm vi cả nước, rút ngắn khoảng cách về sử dụng dịch vụ giữa các vùng, miền; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Xây dựng mạng viễn thông đáp ứng điều kiện cần thiết để phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin rộng khắp toàn tỉnh, là công cụ thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử ở địa phương, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt nông nghiệp, thương mại, du lịch, đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao mức sống nhân dân.

- Phát huy mọi nguồn lực để mở rộng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông. Phát triển viễn thông và Internet trong xu thế hội tụ với công nghệ thông tin và truyền thông trở thành ngành kinh tế mũi nhọn có hiệu quả kinh tế xã hội ngày càng cao.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích phục vụ cho việc phổ cập dịch vụ viễn thông.

- Các doanh nghiệp bình đẳng trong phát triển mạng lưới, ứng dụng các công nghệ tiên tiến theo định hướng phát triển lên mạng NGN, kết nối giữa các thiết bị viễn thông của các doanh nghiệp theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng chung hạ tầng trong phát triển mạng lưới để tiết kiệm trong đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

2. Mục tiêu phát triển:

a) Mục tiêu tổng quát:

* **Năm 2010:** Phát triển Bưu chính theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ; phát triển nhiều dịch vụ mới, đảm bảo hầu hết các điểm phục vụ bưu chính cung cấp đa dịch vụ.

- Tin học hóa hoạt động bưu chính, đảm bảo 100% bưu cục, điểm bưu điện văn hoá xã kết nối mạng tin học bưu chính.

- Nâng cao chỉ tiêu chất lượng, tăng tần suất vận chuyển bưu chính, giảm thời

gian chuyển phát dịch vụ đến các huyện.

- Phát triển chất lượng nguồn nhân lực tại các điểm bưu điện văn hóa xã để cung cấp các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Mạng viễn thông phát triển theo hướng hội nhập với truyền thông.

- Các trường học, bệnh viện kết nối và sử dụng có hiệu quả dịch vụ Internet, có sự liên kết phối hợp giữa các cơ quan hành chính trong tỉnh.

- Cơ quan hành chính của chính quyền các cấp trong tỉnh được kết nối Internet vào mạng hành chính của tỉnh; đảm bảo các dịch vụ trong môi trường Internet cho phép phát triển dịch vụ hành chính, thương mại điện tử, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hải quan v.v...

- Mở rộng phổ cập dịch vụ điện thoại và Internet dưới hình thức trợ giá, chú trọng phổ cập dịch vụ truy nhập Internet theo các chương trình hỗ trợ sản xuất nông lâm ngư nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí.

*** Năm 2015:**

- Phát triển mạng lưới điểm phục vụ đến cấp hành chính thôn dưới hình thức đại lý.

- Định hướng phát triển các dịch vụ tài chính để tăng hiệu quả kinh doanh.

- Triển khai công nghệ tự động hóa bưu chính trong khai thác, thực hiện khai thác bưu chính tự động và cung cấp dịch vụ tự động tại các điểm cộng cộng.

- Kết hợp việc xây dựng tủ sách với phổ cập Internet, xây dựng trang thông tin chung của toàn tỉnh, thông tin về hỗ trợ người dân làm nông - lâm - ngư nghiệp theo khoa học kỹ thuật mới.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng đổi mới công nghệ.

b) Mục tiêu cụ thể:

*** Năm 2010:**

- Phát triển thêm 173 điểm phục vụ, tổng số điểm phục vụ toàn tỉnh đạt 488 điểm, đạt mức 2.722 người/điểm phục vụ và bán kính phục vụ bình quân của 01 điểm phục vụ là 1,83 km. Tại thành phố Quảng Ngãi mở rộng mạng phục vụ để bán kính phục vụ đạt dưới 500m.

- Phát triển mạng điểm phục vụ tại các khu vực tập trung dân cư như thành phố Quảng Ngãi, Vạn Tường, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành; các điểm du lịch tại Sa Huỳnh, Ba Tơ, Sơn Mỹ; Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp: Phổ Phong, Tịnh Phong; đảm bảo 100% xã có điểm Bưu điện Văn hóa xã.

- Mở rộng mạng vận chuyển, nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian phát báo và công văn xuống xã, đảm bảo 100% số xã có báo trong ngày.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong các công đoạn bưu chính: dịch vụ, khai thác và các hệ thống thông tin quản lý bưu chính. Phát triển mạng bưu chính theo hướng tin học hóa đến các điểm phục vụ, đảm bảo 100% bưu cục áp dụng tin học trong các dịch vụ.

- Cáp quang hóa, thay thế dần cáp đồng; đảm bảo 100% xã có nút mạng cáp quang, từng bước cung cấp đa dịch vụ, tốc độ cao, đảm bảo thực hiện đúng các chỉ tiêu công bố.

- Phát triển các trạm BTS đến các xã, phủ sóng đến tất cả các tuyến giao thông, các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh và khu vực ven biển.

- Mật độ điện thoại toàn tỉnh đạt 85 máy trên 100 dân; thuê bao Internet đạt 2 thuê bao trên 100 dân; số người sử dụng Internet đạt 20% dân số.

*** Năm 2015:**

- Phát triển mạng lưới điểm phục vụ đến từng thôn, chủ yếu dưới hình thức đại lý tại các điểm sinh hoạt cộng đồng, các cửa hàng dịch vụ, ...

- Cải tạo và nâng cấp các điểm bưu điện văn hóa xã để cung cấp các dịch vụ truy nhập Internet nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin khoa học kỹ thuật, thương mại, dịch vụ. Xây dựng và từng bước hoàn thiện tủ sách tại các điểm Bưu điện văn hóa xã để phục vụ cộng đồng dân cư.

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ bưu chính công ích tại tất cả các điểm phục vụ trên toàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của mọi người dân và thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ thông tin của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp.

- Đảm bảo 100% số xã có cáp quang đến trung tâm xã.

- Ngầm hóa toàn bộ mạng cáp thành phố Quảng Ngãi, các trung tâm huyện trước năm 2015; ngầm hóa cáp quang trên toàn tỉnh sau năm 2015.

- Mật độ điện thoại đạt 114 máy trên 100 dân.

- Mật độ thuê bao Internet đạt 05 thuê bao trên 100 dân; số người sử dụng Internet đạt 50% dân số toàn tỉnh; 100% thuê bao Internet trên địa bàn tỉnh là thuê bao băng rộng.

*** Các chỉ tiêu chất lượng:**

- Tốc độ truy nhập Internet băng rộng qua mạng nội hạt không dưới 2Mbps, giai đoạn năm 2009 – 2011 nâng tốc độ lên 4Mbps, đối với truy nhập Internet qua mạng truyền hình cáp không dưới 8Mbps.

- Tốc độ truy nhập Internet qua điện thoại di động đạt tối thiểu 32Kbps đối với công nghệ GSM/GPRS, 192Kbps đối với công nghệ CDMA, và trên 1Mbps đối với CDMA băng rộng.

- Tốc độ truy nhập mạng qua các thiết bị cá nhân di động Wifi, Wimax không dưới 1Mbps, giai đoạn năm 2009 – 2011 khi công nghệ Wimax được áp dụng rộng rãi, tốc độ truy nhập không dưới 10 Mbps.

- Đối với loại dịch vụ yêu cầu thời gian thực (thoại cố định và di động) thời gian nghẽn mạng không quá 06 giờ/năm.

2. Quy hoạch phát triển Bưu chính đến năm 2015:

a) Mạng Bưu chính:

- Nâng cấp các hệ thống điểm phục vụ, đặc biệt là các điểm bưu điện văn hóa xã để đáp ứng khả năng cung cấp đa dịch vụ trong đó có cả dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phát triển và mở rộng thêm các Đại lý bưu điện, các điểm cung cấp dịch vụ, đặc biệt quan tâm phát triển tại các xã vùng biển đảo, vùng sâu vùng xa.

- Tổ chức lại các Bưu cục, các điểm phục vụ phù hợp với quy hoạch các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp và các tuyến đường giao thông liên tỉnh và nội tỉnh. Cụ thể bố trí thêm các điểm phục vụ Bưu chính tại các khu công nghiệp Phố Phong, Tỉnh

Phong, Quảng Phú, Khu Kinh tế Dung Quất và khu đô thị Vạn Tường. Tăng cường thêm các điểm phục vụ ở các khu vực đông dân cư tại thành phố Quảng Ngãi và các thị trấn trong tỉnh. Phát triển hệ thống điểm phục vụ đến từng thôn.

- Tổ chức lại mạng vận chuyển nội tỉnh phù hợp với tình hình phát triển cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội của địa phương. Nâng cao năng lực mạng vận chuyển, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phương tiện vận chuyển chuyên ngành đáp ứng nhu cầu vận chuyển bưu chính và chuyển phát thư, là điều kiện rút ngắn thời gian và khoảng cách toàn trình của các chuyến vận chuyển, góp phần đưa các bưu phẩm, bưu kiện, sách báo,...đến với khách hàng sớm hơn. Đầu tư tăng cường năng lực vận chuyển trên các tuyến đường thư đi các huyện Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ. Bổ sung thêm các chuyến xe chuyên ngành cho các tuyến có sản lượng cao như Quảng Ngãi - Bình Sơn; Quảng Ngãi - Mộ Đức - Đức Phổ; Quảng Ngãi - Ba Tơ.

b) Dịch vụ Bưu chính:

- Phổ cập đa dạng dịch vụ, cung cấp dịch vụ công ích và giảm thời gian hành trình.

- Nâng cao chất lượng phổ cập dịch vụ, rút ngắn thời gian phát báo, công văn xuống xã, mở dịch vụ chuyển tiền, thanh toán, chuyển phát nhanh, bưu kiện toàn mạng bưu cục và tại các điểm bưu điện văn hóa xã.

- Phát triển các dịch vụ làm đại lý cho Viễn thông như phát hóa đơn, thu cước, tiếp nhận yêu cầu dịch vụ... Cung cấp các dịch vụ bưu chính chất lượng cao, an toàn với giá cước thấp, phù hợp thu nhập người dân.

3. Quy hoạch phát triển Viễn thông đến năm 2015:

a) Mạng chuyển mạch:

- Duy trì các tổng đài trung tâm hiện trạng như hiện nay đồng thời phát triển thêm tổng đài đa dịch vụ băng rộng đặt tại thành phố Quảng Ngãi. Mô hình mạng NGN được triển khai cho các thuê bao phát triển mới và cung cấp dịch vụ. Thực hiện thay thế dần công nghệ hiện tại bằng công nghệ mạng NGN trong giai đoạn năm 2009 – 2015.

- Xây dựng mạng chuyển mạch đa dịch vụ tốc độ cao, các thiết bị chuyển mạch đa dịch vụ (Multi-service Switch) với công nghệ chuyển mạch theo giao thức IP sẽ thay thế mạng chuyển mạch kênh truyền thống. Xây dựng tại tỉnh các trung tâm chuyển mạch NGN giai đoạn năm 2009 - 2010, tiếp tục mở rộng cho phù hợp với nhu cầu vào những năm tiếp theo.

- Tăng thêm khoảng 290.000 thuê bao từ nay đến năm 2015, sau năm năm 2012 chủ yếu tập trung phát triển thuê bao tại khu vực nông thôn.

- Phát triển thêm các điểm chuyển mạch mới tại các khu vực Sơn Thủy (Sơn Hà), Ba Vì, Ba Động (Ba Tơ), Trà Bồng và Tây Trà, .. nhằm phổ cập dịch vụ điện thoại cố định cho các xã vùng núi phía Tây của tỉnh.

- Lắp mới các điểm chuyển mạch tại khu vực Bình An, Vạn Tường (Bình Sơn), Đức Minh, Đức Phong (Mộ Đức) và Hành Thịnh (Nghĩa Hành), đồng thời nâng cấp dung lượng các tổng đài hiện có tại thành phố Quảng Ngãi, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, phục vụ cho nhu cầu tăng trưởng về loại dịch vụ thoại cố định và các

dịch vụ gia tăng trên nền NGN tại các khu vực này.

b) Mạng truyền dẫn:

- Từ nay đến năm 2015, truyền dẫn nội tỉnh có trên 250km cáp quang được xây dựng mới nhằm thay thế cho các tuyến viba và mở rộng vùng phục vụ, tăng dung lượng để dùng cho các dịch vụ băng rộng.

- Giai đoạn năm 2008 - 2010, xây dựng tuyến cáp quang nối từ Sơn Hà - Tây Trà, Sơn Hà - Ba Tơ nhằm tạo mạch vòng cáp quang cho khu vực các huyện miền núi phía Tây của tỉnh. Bổ sung thêm một số tuyến cáp quang từ Châu Ô - Bình An, Đức Thắng - Đức Minh - Đức Phong, phục vụ cho các tổng đài lắp mới tại khu vực này.

- Giai đoạn năm 2011 - 2015, nâng cấp vòng Ring chính Vạn Tường - Quảng Ngãi - Mộ Đức với tốc độ trên 2,5Gbps; nâng cấp các tuyến cáp từ Quảng Ngãi tới các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng với tốc độ trên 622Mbps, đảm bảo dung lượng truyền dẫn toàn tỉnh.

c) Mạng ngoại vi:

- Xây dựng mạng truy nhập quang để giảm chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, truy nhập tốc độ cao, nâng cao chất lượng dịch vụ. Phát triển mạng truy nhập quang trong toàn tỉnh theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ. Quang hóa mạng ngoại vi đến các xã trong giai đoạn năm 2010 - 2015.

- Đồng thời với việc xây dựng mở rộng mạng, tiến hành ngầm hóa mạng ngoại vi; xây dựng tuyến cống bê tông bộ với các chương trình, dự án nâng cấp và xây dựng mới đường đô thị.

- Giai đoạn năm 2008 - 2010, ngầm hóa tại thành phố Quảng Ngãi, Vạn Tường, Khu kinh tế Dung Quất, Khu công nghiệp: Phổ Phong, Tịnh Phong. Giai đoạn năm 2011 - 2015, ngầm hóa đến trung tâm các huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Minh Long, Đức Phổ. Sau năm 2015 tiến tới ngầm hóa hoàn toàn mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng chung cơ sở hạ tầng khi có nhiều doanh nghiệp cùng có nhu cầu xây dựng tuyến cáp ngoại vi. Không cho phép có nhiều tuyến cáp chôn trên một tuyến đường. Các doanh nghiệp phải cùng đầu tư và sử dụng chung cống bê tông, hộp kỹ thuật, số lượng ống dẫn cáp tùy thuộc nhu cầu từng doanh nghiệp và sử dụng riêng.

- Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối để thông tin cho các doanh nghiệp tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị và phối hợp tổ chức các doanh nghiệp viễn thông xây dựng mạng đồng bộ với các ngành khác.

d) Mạng di động:

- Thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, đến năm 2010 phủ sóng toàn bộ các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ và khu vực ven biển trên địa bàn tỉnh.

- Tăng chất lượng phủ sóng tại thành phố Quảng Ngãi, Vạn Tường, các trung tâm huyện, các điểm du lịch Mỹ Lai, Sa Huỳnh, các khu công nghiệp Tịnh Phong, Phổ Phong và đặc biệt là tại Khu kinh tế Dung Quất.

- Giai đoạn tiếp theo mở rộng dung lượng các BTS, tăng mạnh số máy thu phát tại các trạm đã lắp đặt. Đến năm 2015, cần lắp mới 242 trạm BTS.

- Năm 2015 diện tích phủ sóng trong tỉnh đạt từ 70 – 90% diện tích toàn tỉnh.

Các trạm BTS đảm bảo phủ sóng dọc theo tất cả các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ và tất cả các khu vực dân cư.

- Thông tin di động ứng dụng công nghệ truy nhập vô tuyến băng rộng, phân chuyển mạch và các ứng dụng của mạng di động sẽ được tích hợp với mạng lõi NGN, phát triển dịch vụ truy nhập Internet không dây.

e) Mạng Internet:

- Triển khai các thiết bị truy nhập mạng băng rộng đến tất cả trạm viễn thông, đảm bảo sau năm 2008 cung cấp dịch vụ Internet băng rộng toàn tỉnh.

- Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và không dây. Truy nhập Internet qua mạng nội hạt phát triển theo hướng truy nhập của mạng NGN và là bước đầu xây dựng mạng NGN. Truy nhập không dây triển khai cho các thuê bao di động. Khi thiết bị dùng công nghệ wimax được dùng phổ biến sẽ cung cấp dịch vụ truy nhập không dây băng rộng thông qua các điểm truy nhập không dây.

5. Các giải pháp chủ yếu:

a) Về Bưu chính:

a.1) Phát triển thị trường:

- Tận dụng mọi nguồn lực để cung cấp và phổ cập dịch vụ, đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, phát triển các điểm đại lý bưu điện, khuyến khích mọi thành phần tham gia thị trường chuyên phát; chú trọng cộng tác với các tổ chức, đoàn thể, lao động tại các xã tham gia hoạt động dịch vụ bưu chính.

- Tạo điều kiện về sử dụng đất đai để xây dựng mạng lưới các điểm phục vụ cho doanh nghiệp bưu chính thực hiện tốt nhiệm vụ Bưu chính công ích.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới điểm phục vụ, đặc biệt là các điểm bưu điện văn hóa xã bằng cách mở rộng dịch vụ, triển khai cung cấp các dịch vụ giải trí thông qua Internet.

- Mở rộng các loại hình dịch vụ ở bưu cục và điểm bưu điện văn hóa xã chú trọng dịch vụ dành cho người dân, cung cấp thông tin về nông – lâm - ngư và dịch vụ giải trí; gắn kết hoạt động đào tạo, hướng dẫn sử dụng dịch vụ cho nhân dân.

- Nâng cao trình độ của nhân viên, giao dịch viên tại các điểm Bưu điện văn hóa xã, nâng cao khả năng nắm bắt công nghệ mới thông qua các khóa đào tạo về nghiệp vụ.

- Sử dụng hiệu quả phương tiện vận chuyển bưu chính, tăng cường khai thác phương tiện cho các dịch vụ chuyên phát, giao nhận, kho vận.

- Ưu tiên việc triển khai các dịch vụ mới và dịch vụ giá trị gia tăng áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo điều kiện về cấp phép và ưu đãi cho các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ mới, hiện đại.

a.2) Huy động và sử dụng nguồn đầu tư cho Bưu chính:

- Vốn đầu tư cho bưu chính chủ yếu từ các nguồn trung ương, doanh nghiệp, huy động xã hội và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ,... Ngân sách địa phương chủ yếu để cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng.

a.3) Cung cấp dịch vụ Bưu chính, Viễn thông cho cơ quan Đảng, Chính quyền:

- Các dịch vụ cung cấp cho cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn phải đảm bảo

chỉ tiêu chất lượng và an toàn.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương cung cấp dịch vụ Bưu chính công ích và cung cấp các dịch vụ đặc biệt có liên quan tới bảo mật thông tin và an toàn mạng lưới.

a.4) Bảo vệ quyền lợi người sử dụng:

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết về chất lượng dịch vụ và đôn đốc các doanh nghiệp phát triển điểm phục vụ bưu chính để tăng chỉ tiêu phổ cập dịch vụ.

- Thiết lập các đường dây nóng để tiếp nhận các ý kiến đóng góp, khiếu nại của người tiêu dùng, đề ra hướng giải quyết nhanh chóng.

b) Về Viễn thông:

b.1) Phát triển thị trường, phát huy nội lực:

- Mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ viễn thông đa dạng, hướng tới mọi đối tượng sử dụng, tăng số người sử dụng.

- Phát triển mạng thông tin trên biển đảo, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phục vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trên biển và đất liền.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia bán lại dịch vụ, cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị, dịch vụ Internet trên cơ sở hạ tầng mạng lưới đã được đầu tư; phát triển hạ tầng mạng nội hạt để cung cấp các dịch vụ truy nhập băng rộng, kết nối mạng máy tính; tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có để cung cấp các dịch vụ viễn thông - Internet và kết hợp với các dịch vụ khác.

- Có cơ chế giảm cước hòa mạng và cước thuê bao cho khu vực nông thôn, những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thúc đẩy phát triển thuê bao; giảm cước phí cho các nhiệm vụ liên quan đến an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai, bão lụt.

b.2) Thúc đẩy phát triển kinh tế: Bưu chính, Viễn thông phải đảm bảo vai trò là cơ sở hạ tầng truyền thông thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế, xã hội. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện:

- Cung cấp dịch vụ nội dung phục vụ mục đích tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về thiên nhiên, con người Quảng Ngãi để khai thác tốt tiềm năng du lịch và thu hút đầu tư.

- Mở dịch vụ phục vụ cộng đồng tại các điểm bưu điện văn hóa xã phục vụ người dân, đặc biệt là khu vực nông thôn tiếp cận thông tin khoa học, kỹ thuật, thị trường, các thông tin dịch bệnh, đồng thời cũng là phương tiện để quảng bá sản phẩm nông - lâm - thủy tại địa phương. Dịch vụ viễn thông và Internet là công cụ dạy nghề nông thôn, phục vụ cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn.

b.3) Cung cấp dịch vụ Viễn thông cho cơ quan Đảng, Nhà nước:

- Đảm bảo cung cấp các dịch vụ Viễn thông cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Bưu điện cung cấp dịch vụ Viễn thông công ích và cung cấp các dịch vụ đặc biệt có liên quan tới bảo mật

thông tin và an toàn mạng lưới.

- Nhà nước và doanh nghiệp có cơ chế cùng đầu tư xây dựng và chia sẻ trong khai thác đường truyền; xác định rõ cơ chế ưu đãi trong cung cấp dịch vụ công cho các cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương.

b.4) Quản lý tiêu chuẩn chất lượng thiết bị và dịch vụ:

- Quản lý chất lượng theo kịp tốc độ phát triển; giai đoạn từ nay đến năm 2010 cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành tại địa phương chú trọng giám sát các chỉ tiêu phổ cập dịch vụ và vùng cung cấp dịch vụ; giai đoạn năm 2011 - 2015 chú trọng chỉ tiêu chất lượng dịch vụ.

- Coi trọng công tác quản lý chất lượng mạng lưới, dịch vụ viễn thông và Internet thông qua hình thức công bố chất lượng trên cơ sở các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng hoặc do các doanh nghiệp tự nguyện áp dụng.

b.5) Giải pháp về môi trường:

- Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ ảnh hưởng sóng điện từ của các trạm thu phát sóng điện thoại di động và các loại sóng siêu cao tần khác đối với sức khỏe của người dân trong khu vực phủ sóng; quan trắc mức độ ô nhiễm, phân tích thành phần khí thải từ các dây chuyền sản xuất thiết bị viễn thông.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm của doanh nghiệp.

b.6) Phát triển nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố cơ bản, quan trọng góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bưu chính, viễn thông. Các cơ quan chức năng thuộc tỉnh nghiên cứu, đề ra chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ phù hợp nhu cầu phát triển.

b.7) Phát triển khoa học công nghệ:

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới tại tỉnh dưới các hình thức ưu đãi đất, độc quyền thiết lập mạng có thời hạn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư áp dụng công nghệ mới được tiếp cận dễ dàng với nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn cần tập trung nghiên cứu ứng dụng, thực hiện chuyển giao công nghệ, góp phần đổi mới sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh; định hướng hoạt động trên địa bàn là tập trung nghiên cứu triển khai ứng dụng dịch vụ cung cấp thông tin, tài chính, giải trí.

b.8) Triển khai thực hiện đồng bộ quy hoạch:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với quy hoạch kinh tế - xã hội và các ngành khác. Thực hiện đầu tư một lần, đồng bộ với việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị... nhằm giảm chi phí giải tỏa và đảm bảo mỹ quan. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh quản lý việc triển khai thực hiện theo quy hoạch này nhằm đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch khác.

- Các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển hạ tầng, giao thông, đô thị của tỉnh đều được thông báo tiến độ và nội dung thực hiện để các doanh nghiệp chuyên ngành có kế hoạch xây dựng hạ tầng bưu chính, viễn thông đồng bộ.

b.9) Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh:

- Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng thuộc các lĩnh vực viễn thông, điện lực, giao thông vận tải, truyền hình,... trên địa bàn tỉnh; khuyến khích đầu tư xây dựng hạ tầng dùng chung tại các khu vực phát triển mới.

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tiến hành cụ thể hóa việc triển khai các quy định về sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông để các doanh nghiệp Viễn thông có cơ sở thực hiện.

6. Danh mục các dự án trọng điểm:

a) Các dự án trọng điểm phát triển Bưu chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Nguồn đầu tư	Giai đoạn 2009 - 2010	Giai đoạn 2011 - 2015
Xây dựng các điểm phục vụ Bưu chính đến thôn	Doanh nghiệp	400	410
Phương tiện vận chuyển bưu chính	Doanh nghiệp	2.000	1.500
Thư viện tại các điểm bưu điện văn hoá xã	Ngân sách tỉnh	1.200	0
Phát triển các điểm phục vụ tự động	Doanh nghiệp	690	5.375
Tổng	Doanh nghiệp	3.090	7.285
	Ngân sách tỉnh	1.200	0

b) Các dự án trọng điểm phát triển Viễn thông và Internet

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Nguồn đầu tư	Giai đoạn 2009 - 2010	Giai đoạn 2011 - 2015
Mạng ngoại vi	Doanh nghiệp	411.282	631.626
	Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích	17.928	10.000
NGN	Doanh nghiệp	322.776	585.016
Đầu tư điểm truy nhập không dây băng rộng	Doanh nghiệp	125	700
Điện thoại di động	Doanh nghiệp	353.426	227.460
Truyền dẫn	Doanh nghiệp	16.710	10.880
Trung tâm thông tin cơ sở	Ngân sách tỉnh	4.300	2.700
Điểm truy nhập Internet	Ngân sách tỉnh	1.415	500
	Doanh nghiệp	432	500
	Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích	1.914	500
Tổng	Ngân sách tỉnh	5.715	3.200

	Doanh nghiệp	1.104.750	1.456.182
	Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích	19.842	10.500

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông có nhiệm vụ:

- Công khai hóa quy hoạch, nghiên cứu các mục tiêu và tổ chức triển khai các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch; xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để quản lý và điều hành có hiệu quả, tránh dàn trải. Trong quá trình thực hiện quy hoạch phải thường xuyên cập nhật tình hình và báo cáo cho UBND tỉnh khi có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh.

- Chủ động làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông và phối hợp với các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu trình UBND tỉnh để ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, kinh doanh dịch vụ và phát triển thị trường.

2. Các Sở, Ban ngành khác, UBND các huyện, thành phố:

- Căn cứ vào Quy hoạch này trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi địa bàn, lĩnh vực theo ngành quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện các dự án phát triển Bru chính, Viễn thông thuộc phạm vi, lĩnh vực được phân công.

- Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y Tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế